

PHÂN TÍCH NGHỆ THUẬT LẬP LUẬN TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

1. Dàn ý phân tích nghệ thuật lập luận trong Tuyên ngôn độc lập

Mở bài:

- Giới thiệu một số nét tiêu biểu về tác giả Hồ Chí Minh: cuộc đời, sự nghiệp sáng cách mạng và sáng tác.
- Nêu khái quát chung về bản Tuyên ngôn độc lập: hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật (lập luận chặt chẽ, sắc sảo, là áng văn chính luận mẫu mực)

Thân bài:

Cấu trúc lập luận của bản Tuyên ngôn độc lập

- Bản tuyên ngôn có cấu trúc lập luận logic, chặt chẽ với 3 vấn đề chính:

- Cơ sở pháp lý của bản tuyên ngôn: quyền con, quyền dân tộc (quyền bình đẳng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc...)
- Cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn: Vạch trần bản chất độc ác, xảo trá của thực dân Pháp; công cuộc đấu tranh vì chính nghĩa của nhân dân ta.
- Lời tuyên bố độc lập: khẳng định trước thế giới về nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam, bày tỏ ý chí giữ vững nền độc lập ấy.

- Lập luận chứng minh cho cơ sở pháp lý của bản Tuyên ngôn độc lập

- Hồ Chí Minh đã dùng lời trong Tuyên ngôn độc lập của Mĩ (“Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng...”) và tuyên ngôn Nhân Quyền và Dân quyền của Pháp (“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng...”) làm cơ sở pháp lý.

- Ý nghĩa:

- Lí lẽ thuyết phục hơn bởi đây là hai tuyên ngôn được nhân dân thế giới công nhận, Mỹ và Pháp cũng là hai cường quốc có tiếng nói. Đó cũng là chân lý đúng đắn về quyền con người, không ai có thể bác bỏ.
- Dùng phương pháp “gậy ông đập lưng ông” để đánh vào bộ mặt thực dân Pháp và ngăn chặn việc bọn thực dân, đế quốc tái xâm lược nước ta.
- Đặt ngang hàng công cách mạng, giá trị bản tuyên ngôn của nước ta với hai cường quốc Mỹ và Pháp, thể hiện lòng tự tôn dân tộc.
- Dùng phương pháp suy luận trực tiếp, “suy rộng ra” từ quyền tự do của mỗi con người đến quyền tự do, độc lập của mỗi dân tộc. “Đó là những chân lý không thể chối cãi được”

=> Nhận xét: cách lập luận khéo léo, sáng tạo, rõ ràng, chặt chẽ đầy tính thuyết phục.

- Lập luận chứng minh cho cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn

+ Hồ Chí Minh lập luận bác bỏ luận điệu xảo trá của thực dân Pháp về công cuộc “khai hóa” và “bảo hộ” của chúng bằng cách nêu những dẫn chứng cụ thể:

- Thi hành nhiều chính sách dã man về chính trị, văn hóa – xã hội – giáo dục và kinh tế.
- Hai lần bán nước ta cho Nhật (vào năm 1940, 1945), khiến cho “hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”,... Không hợp tác với Việt Minh mà còn thẳng tay khủng bố Việt Minh

+ Hồ Chí Minh khẳng định giá trị các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta:

- Nhân dân ta đã chống ách nô lệ hơn 80 năm, đứng về phía Đồng minh chống phát xít, kêu gọi Pháp chống Nhật, lấy lại nước từ tay Nhật
- Kết quả: cùng lúc phá tan 3 xiềng xích đang trói buộc dân tộc ta (Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị), thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

+ Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định để tuyên bố thoát ly hẳn với thực dân Pháp, xóa bỏ mọi hiệp ước đã ký kết, mọi đặc quyền của Pháp tại Việt Nam.

+ Khẳng định quyền được tự do, độc lập của Việt Nam phù hợp với nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hội nghị Tê- hê- răng và Cựu Kim Sơn và để kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận điều đó.

=> Nhận xét: cách lập luận theo quan hệ nhân quả hợp lý và logic, dẫn chứng thuyết phục, lời văn giàu tính biểu cảm làm nổi bật cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn.

- Lời Tuyên ngôn độc lập:

- Khẳng định việc giành được tự do độc lập của dân tộc ta là điều tất yếu: “dân tộc đó phải được độc lập, dân tộc đó phải được tự do”
- Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do...”. Thể hiện quyết tâm đoàn kết giữ vững chủ quyền, nên độc lập, tự do của dân tộc.
- Nhận xét: Lời văn đanh thép, rõ ràng như một lời thề cũng như một lời khích lệ tinh thần yêu nước nhân dân cả nước.

Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị nghệ thuật: là áng văn chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực, ngôn ngữ hùng hồn, gằn gỏi, giàu tính biểu cảm.
- Đánh giá chung về giá trị nội dung của bản tuyên ngôn độc lập: nêu cao truyền thống yêu nước, ý chí chống quân xâm lược, lòng tự hào dân tộc; đánh dấu mốc son trong lịch sử dân tộc ta, là bản án đanh thép chống lại mọi cường quyền.

2. Phân tích nghệ thuật lập luận trong Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh

Trong những trang sử thi hào hùng của dân tộc ta có những mốc son chói lọi được đánh dấu bằng những bản tuyên ngôn lịch sử. Thời nhà Trần với “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt, nhà Lê với “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi và một lần nữa, lịch sử được gọi tên trong “Tuyên Ngôn Độc Lập” của Hồ Chí Minh. Ba bản tuyên ngôn này được coi là những áng thiên cổ hùng văn của dân tộc. Và vượt lên trên điều đó, chúng ta thấy được sức mạnh và tính thuyết phục mãnh liệt hơn cả của nghệ thuật lập luận làm cho Tuyên ngôn độc lập trở thành một bài văn chính luận mẫu mực.

Nói đến văn chính luận là chúng ta nói đến một thể cổ văn thường được sử dụng trong những hoàn cảnh lịch sử trang trọng như ở bài chiếu, biểu, hịch, cáo, tuyên ngôn. Đây là thể văn có tổ chức chặt chẽ, kết cấu khúc triết và giá trị cơ bản của nó là tính thuyết phục. Tất cả những điều đó thể hiện ở cách lập luận rõ ràng, chặt chẽ, ở các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng xác thực không thể chối cãi. Tất cả những phẩm chất này được thể hiện trọn vẹn trong Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

Không chỉ là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử lớn lao, Tuyên ngôn độc lập còn đạt đến tính mẫu mực của văn bản chính luận bởi những quan điểm mà Người đưa ra có sức thuyết phục rất mạnh mẽ, thậm chí còn buộc người đọc, người nghe phải chấp nhận mà không thể chối cãi được. Ở văn bản này, Bác đã sử dụng ba luận điểm chính: Cơ sở pháp lý của bản tuyên ngôn, cơ sở thực tiễn với bản chất phi nghĩa của thực dân Pháp và sự trưởng thành của cách mạng Việt Nam và phần tuyên ngôn: chủ quyền tất yếu của dân tộc Việt Nam. Ở mỗi luận điểm, Người lại sử dụng những lí lẽ rất sắc bén, đanh thép, những dẫn chứng cụ thể, cho nên những quan điểm của Người dễ được chấp nhận. Chúng ta xét văn bản này cả trên kết cấu của một bài văn chính luận và kết cấu của một văn bản văn học thì Tuyên ngôn độc lập đều đạt đến sự hoàn chỉnh và mẫu mực.

Xét trong một bài văn chính luận, cơ sở thực tiễn là luận điểm quan trọng nhất, đưa ra nguyên tắc, nguyên lý chung buộc người đọc, người nghe thừa nhận hoặc làm theo luận điểm mà người viết muốn nói ra. Nó cũng là tiền đề để tạo nên tính thuyết phục của một bài văn chính luận. Khi viết văn bản này, Bác hướng tới dân tộc, con người Việt Nam và nhân dân thế giới. Nhưng thế giới ở đây không phải là một khái niệm chung chung, trừu tượng mà chính là người Pháp và người Mỹ, vì các thế lực này đang có mưu đồ trở lại xâm lược Việt Nam. Đặc biệt sau chiến tranh thế giới thứ hai, chiến trường Đông Dương thuộc quyền giải giáp vũ khí của cả Anh, Pháp, Mĩ. Tuy nhiên, lúc này mâu thuẫn giữa Anh, Pháp, Mĩ với Liên Xô chắc chắn sẽ đi đến sự thỏa hiệp để thực dân Pháp có điều kiện thuận lợi nhất vào Đông Dương. Đồng thời Pháp lại tuyên bố với thế giới rằng chúng có công khai hóa Đông Dương nên việc trở lại Đông Dương là tất yếu lịch sử. Trước hoàn cảnh khó khăn này đã đặt ra thử thách cho Hồ Chí Minh khi viết Tuyên ngôn độc lập. Bản tuyên ngôn không những phải tuyên bố được độc lập cho dân tộc mà còn phải bác bỏ được luận điệu sai trái của Pháp, tranh thủ sự đồng tình của nhân loại tiến bộ. Tất cả các yêu cầu trên đều được giải quyết trong phần cơ sở pháp lý của bản tuyên ngôn.

Ở phần này, Hồ Chí Minh đã rất cương quyết, khéo léo sắc sảo. Để thuyết phục người nghe, Người không những đưa ra quan điểm của cá nhân mình mà sử dụng những tiền đề lịch sử. Đó là bản Tuyên ngôn độc lập của Mĩ (1776) và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1791). Vì quan điểm cá nhân đưa ra dù có đúng đắn, chính xác đều tạo ra hai hiệu ứng hoặc đồng tình hoặc phản đối, còn việc sử dụng những tiền đề lịch sử thì buộc mọi người phải thừa nhận, nghe theo. Lúc này, Pháp và Mĩ là hai kẻ thù đe dọa đến nền độc lập của nước nhà nhưng không vì thế mà Hồ Chí Minh chối bỏ tinh hoa lịch sử.

Người vẫn trân trọng những thành quả mà cha ông người Pháp, người Mĩ để lại. Điều đó thể hiện một tư tưởng lớn, Bác không đứng trên lập trường cá nhân mà đứng trên lập trường nhân loại.

Việc sử dụng tuyên ngôn của Pháp, Mĩ để tuyên bố cho nền độc lập của nước ta, Bác đã tranh thủ sự ủng hộ của thế giới đối với các cường quốc lớn, đồng thời cũng kín đáo thể hiện sự ngang hàng của nền độc lập các nước, sánh ngang với Cách mạng tháng Tám của chúng ta với Cách mạng Dân chủ Tư sản của Pháp (1789) và cuộc giải phóng thuộc địa của Mĩ (1776). Nó gợi chúng ta nhớ lại niềm tự hào mà Nguyễn Trãi nói trong Bình Ngô Đại Cáo khi so sánh sự ngang hàng của Đại Việt với phong kiến phương Bắc:

“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”

Đó là sự thật lịch sử bởi vì Cách mạng tháng Tám của chúng ta đã đồng thời giải quyết những nhiệm vụ mà cách mạng của Pháp và Mĩ từng làm được. Cùng một lúc, chúng ta đánh đổ cả ba thế lực: thực dân, phát xít và phong kiến, cho nên bản tuyên ngôn của chúng ta vừa là bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền.

Không những thế, bản tuyên ngôn còn thể hiện sự cương quyết của Hồ Chí Minh. Đối với Pháp, Mĩ chúng đang có dã tâm trở lại xâm lược nước ta, Người đã rất cương quyết khi nhắc nhở chúng khi Người mượn bản tuyên ngôn của cha ông người Pháp, Mĩ. Đó là nghệ thuật quân sự “gậy ông đập lưng ông”. Vì cha ông người Pháp, Mĩ đã từng tuyên bố về nhân quyền và dân quyền trong bản tuyên ngôn của họ, nếu như chúng có ý định trở lại xâm lược Việt Nam tức là chúng đã làm vấy bẩn lên tinh hoa mà cha ông để lại trong lịch sử.

Ở luận điểm một, Người đưa ra những tiền đề pháp lý của bản tuyên ngôn thì đến luận điểm thứ hai, Bác đã đưa ra những dẫn chứng cụ thể, xác thực. Khác với phần cơ sở pháp lý đưa ra những tiền đề lý luận thì cơ sở thực tiễn lại sử dụng những dẫn chứng, luận điểm, luận cứ để chứng minh cho giá trị thuyết phục của lập luận đã được đưa ra ở phần cơ sở pháp lý. Xét theo yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử, lúc này Pháp là kẻ thù số một và nguy hiểm nhất cho nên, trong phần cơ sở thực tế, chủ yếu Bác đối thoại với người Pháp, vạch trần bản chất xâm lược và luận điểm xảo trá của chúng. Người khẳng định Pháp không những không có công khai hóa mà chúng còn mang bản chất của kẻ xâm lược, phi nghĩa, tàn bạo khi ở Đông Dương. Pháp đã lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để cướp nước ta. Chúng thống trị, xâm lược một cách toàn diện đất nước ta ở cả ba phương diện: chính trị, kinh tế và văn hóa. Từ những dẫn chứng cụ thể mà Bác đưa ra, ta đã thấy thực dân Pháp đã bộc lộ bản chất giả dối, mị dân của mình. Khai hóa chẳng qua chỉ là chiêu bài để chúng dễ bề xâm lược nước ta.

Với tất cả quan điểm của mình, Hồ Chí Minh đã khẳng định người Pháp không còn quyền bảo hộ ở Đông Dương. Cho nên những luận điểm mà chúng tuyên bố chỉ hòng mở đường để quay lại Đông Dương. Mặc dù, Pháp có những hành động vô cùng dã man nhưng chúng ta lại giữ thái độ khoan hồng khi giúp đỡ cho người Pháp, bảo vệ tính mạng và của cải cho họ. Trong cuộc chiến chống phát xít, ta đứng về phe đồng minh. Từ đó, Người đòi hỏi thế giới phải đồng tình, ủng hộ cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đó không phải là cơ sở lý thuyết được ban tặng mà phải đánh đổi bằng sự hy sinh, xương máu. Vì những lý lẽ trên, việc tuyên bố tự do, độc lập là quyền và trách nhiệm thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Toàn bộ phần cơ sở thực tiễn được chứng minh bằng sự thật lịch sử cho nên kèm với mỗi dẫn chứng, mỗi sự kiện, Hồ Chí Minh thường dùng những cụm từ sự thật, hoặc sự thật là để tăng thêm sức thuyết phục cho lập luận của Người.

Luận điểm thứ ba là phần có ý nghĩa, giá trị lớn lao hơn hết, là phần tuyên ngôn của bản tuyên ngôn, là kết quả tất yếu của cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn mà Hồ Chí Minh đưa ra. Bác đã rất cẩn trọng, khôn khéo và cương quyết để đi đến khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh tuyên bố thoát ly quan hệ với nước Pháp, xóa bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi của Pháp trên đất Đông Dương, đồng thời mở ra một con đường mới cho dân tộc ta. Bác cũng tuyên bố với người Pháp dân tộc ta kiên quyết chống lại mọi âm mưu xâm lược của chúng. Bác rất khéo léo khi tin tưởng và đòi hỏi thế giới phải công nhận

quyền tự do, độc lập của đất nước ta. Người tuyên bố và khẳng định quyết tâm, ý chí của cả dân tộc Việt Nam.

Từ những giá trị trên, chúng ta nhận thức sâu sắc ý nghĩa lớn lao của bản Tuyên ngôn độc lập trên phương diện lịch sử, văn hóa cũng như chính trị và hơn hết là sự khẳng định chủ quyền dân tộc. Từ cách lập luận vô cùng sắc sảo, thuyết phục, rõ ràng của Người, Tuyên ngôn độc lập xứng đáng là một áng văn chính luận mẫu mực, vô tiền khoáng hậu.

www.eLib.vn